

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MỸ THUẬN

Số: 24 /BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mỹ Thuận, ngày 01 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả xây dựng nông thôn mới năm 2020 của xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng

Kính gửi: Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện Mỹ Tú

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã

a. Điều kiện tự nhiên

- Xã Mỹ Thuận là 01 trong 09 đơn vị hành chính cấp xã của huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, vị trí địa giới hành chính được xác định: Phía Đông giáp xã Thuận Hưng và xã Phú Mỹ; Phía Nam giáp xã Thạnh Phú (huyện Mỹ Xuyên) và xã Lâm Kiết (huyện Thạnh Trị); Phía Tây giáp xã Lâm Tân huyện Thạnh Trị; Phía Bắc giáp xã Mỹ Tú và xã Mỹ Phước.

- Toàn xã có tổng diện tích tự nhiên là 3.299,06 ha, Trong đó: diện tích đất nông nghiệp là 2.853,10 ha, chiếm 86,48% (bao gồm đất sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản). Đất phi nông nghiệp 442,96 ha, chiếm 23,42%.

b. Điều kiện kinh tế - xã hội

- Dân số toàn xã có 2.612 hộ với 10.326 khẩu, trong đó dân tộc Kinh là 1.234 hộ tương đương với 4.926 khẩu chiếm 47,24%; dân tộc Khmer là 1.105 hộ tương đương với 4.526 khẩu chiếm 42,23%; dân tộc Hoa 275 hộ tương đương với 864 khẩu chiếm 10,53%.

- Ngành nghề, nguồn thu nhập chính của người dân xã Mỹ Thuận chủ yếu là sản xuất nông nghiệp như: trồng lúa; trồng màu (dưa hấu, bắp...); chăn nuôi (heo, bò, vịt, gà...) và nuôi trồng thủy sản các loại...

- Địa bàn hành chính của xã có 10 ấp, gồm: Ấp Tam Sóc A, Ấp Tam Sóc B1, Ấp Tam Sóc B2, Ấp Tam Sóc C1, Ấp Tam Sóc C2, Ấp Tam Sóc D1, Ấp Tam Sóc D2, Ấp Phước An, Ấp Phước Bình và ấp Rạch Rê

2. Thuận lợi

- Xã Mỹ Thuận có vị trí nằm giáp nằm trên tuyến đường tỉnh 938 và 940 được kết nối với tuyến Quốc lộ 1A, về giao thông đường thủy có tuyến sông Nhu Gia, sông kênh sáng, sông kênh cũ, sông Tam Sóc và hệ thống kênh rạch thông thương qua nhiều xã thuận lợi trong việc giao lưu hàng hóa với bên ngoài để phát triển các

ngành kinh tế của xã. Tình hình kinh tế, văn hóa xã hội phát triển ổn định, An ninh, quốc phòng từng bước được cải thiện, trật tự an toàn giao thông được giữ vững.

- Với lợi thế về tiềm năng đất đai, lao động dồi dào, hệ thống giao thông đa dạng đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa, năng lực tưới tiêu phục vụ 100% diện tích đất sản xuất nông nghiệp, tạo điều kiện để xã thực hiện các tiêu chí về thủy lợi, sản xuất, nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo...

3. Khó khăn

- Trước khi có Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, tình hình phát triển kinh tế - văn hóa xã hội, quốc phòng, an ninh của xã còn chậm phát triển, đời sống của đại bộ phận người dân còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã còn khá cao; cơ sở hạ tầng giao thông, giáo dục, y tế, chưa được đầu tư; Phần đông lao động chưa qua đào tạo, tập trung chủ yếu là lực lượng lao động nông nghiệp, hiệu quả lao động chưa cao...

- Ngành nông nghiệp chịu ảnh hưởng rất lớn của các yếu tố thời tiết, khí hậu, thị trường. Việc sản xuất nông nghiệp đa số đều mang tính tự phát. Tình hình dịch bệnh, sự biến đổi khí hậu, thiên tai diễn biến khó lường, tác động không nhỏ đến sự phát triển kinh tế - xã hội của xã.

II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

- Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

- Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

- Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành 13 chỉ tiêu thuộc 06 tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; Địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

- Hướng dẫn số 12/HD-BCĐ ngày 31/5/2017 của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Sóc Trăng về Đánh giá, công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới và xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2016 - 2020 và Công văn số 44/BCĐSNV-VPĐP ngày 30/10/2018 của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Sóc Trăng về việc hướng dẫn bổ sung quy trình, trình tự thủ tục thực hiện công nhận một số tiêu chí nông thôn mới theo Hướng dẫn số 12/HD-BCĐ ngày 31/5/2017;

- Quyết định số 217/QĐ –UBND ngày 08/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành tiêu chí hộ văn hoá nông thôn mới, ấp văn hoá nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2017 – 2020;

- Công văn số 183/SNN-VPĐP ngày 29/01/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng về việc tiếp tục thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trong năm 2021;

- Công văn số 06/BCĐSNN-VPĐP ngày 06/4/2021 của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Sóc Trăng về việc tập trung thực hiện hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới năm 2021;

- Nghị quyết số 03-NQ/HU ngày 29/7/2021 của Huyện ủy Mỹ Tú về xây dựng nông thôn mới huyện Mỹ Tú giai đoạn 2011 - 2025;

- Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2021 trên địa bàn huyện Mỹ Tú;

- Nghị quyết số 01-NQ/ĐU ngày 31/12/2020 của Đảng ủy xã Mỹ Thuận về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị năm 2021;

- Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thuận về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Mỹ Thuận năm 2021 trên địa bàn xã Mỹ Thuận.

III. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Ngay từ đầu năm 2011, sau khi có quyết định phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới, Ủy ban nhân dân xã đã ban hành quyết định thành lập Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của xã và Quy chế làm việc của Ban chỉ đạo, phân công từng thành viên Ban chỉ đạo phụ trách từng tiêu chí và xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện từng tiêu chí cụ thể. Sau khi kết thúc giai đoạn 2011 - 2015, Ủy ban nhân dân xã tiếp tục kiện toàn và củng cố thành viên Ban chỉ đạo và xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2016 - 2020 trên từng lĩnh vực, từng tiêu chí và thực hiện tốt các văn bản hướng dẫn của trên.

- Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia xã gồm có 19 thành viên, mời đồng chí Bí thư Đảng ủy làm Trưởng ban; Chủ tịch UBND xã, Phó bí thư thường trực và Phó chủ tịch HDND xã đồng phó ban.... ban hành quy chế hoạt động và thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban chỉ đạo; thành lập Ban quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia xã Mỹ Thuận do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã làm Trưởng Ban quản lý. Đồng thời ra quyết định thành lập Ban phát triển, Ban giám sát cộng đồng các ấp. Ủy ban nhân dân xã cũng đã bố trí một công chức chuyên trách phụ trách xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Ban Chỉ đạo các Chương trình của xã đã tham mưu Ủy ban nhân dân xã xây dựng kế hoạch thực hiện từng giai đoạn, kế hoạch hàng năm triển khai Chương trình. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch lộ trình phấn đấu xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021, trong đó phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, công chức phụ trách từng tiêu chí.

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

a. Công tác truyền thông

- Ban chỉ đạo xã xây dựng kế hoạch tuyên truyền sâu, rộng để 100% Đảng viên, Đoàn viên, Hội viên và người dân biết được ý nghĩa 19 tiêu chí, nội dung quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Trong đó, đặc biệt chú trọng triển khai cuộc vận động: “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới đô thị văn minh”. Hưởng ứng phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” và 11 nội dung xây dựng “Nông thôn mới” của Ban dân Vận Tỉnh ủy, nhằm quán triệt phổ biến chủ trương của Đảng, mục đích ý nghĩa tầm quan trọng thực hiện chương trình nông thôn mới, nhằm góp phần xây dựng 19 tiêu chí “Nông thôn mới”.

- Công tác tuyên truyền vận động trên địa bàn xã thực hiện với các nội dung và hình thức phong phú. Cụ thể Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia xã đã phối hợp cùng các hội đoàn thể xã, ban phát triển ấp cấp phát 4.400 tờ bướm, tổ chức được 224 cuộc họp tổ, nhóm khu dân cư với nội dung tuyên truyền về mục đích và ý nghĩa của Chương trình cho người dân trên địa bàn các ấp với 4.158 lượt người tham dự. Kết quả đã vận động được 1.542 hộ dân làm hàng rào, đóng góp làm 1.245 cột cờ, 209 hộ dân cải tạo vườn tạp trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao, 367 hộ xây dựng hồ xử lý rác, 934 hộ xây mới nhà tiêu hợp vệ sinh, 884 hộ sửa chữa nâng cấp nhà ở, vận động và tham gia đóng góp xây mới và sửa chữa 56 cầu nông thôn, xây dựng được 11 pano tuyên truyền.

- Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng gia đình văn hóa, khu dân cư lành mạnh và ấp văn hóa nông thôn mới, hộ văn hóa nông thôn mới. Triển khai cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” tiếp tục đăng ký xây dựng gia đình văn hóa và hộ văn hóa nông thôn mới, đăng ký ấp văn hóa nông thôn mới. Kết quả đến nay, có 1.750 hộ đạt chuẩn hộ văn hóa nông thôn mới đạt 70% số hộ đăng ký và 4/10 ấp đạt chuẩn ấp văn hóa nông thôn mới theo Quyết định 217/QĐ-UBND đạt 40%;

- Tổ chức phát động hội thi xây dựng tuyến đường nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn xã, vận động nhân dân trồng hoa, cây xanh, làm cột cờ, xây dựng mô hình thắp sáng đường quê.... trên địa bàn 10 ấp.

Qua công tác tuyên truyền trong thời gian qua, nhìn chung hiện nay các cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong xã đều tích cực phát động phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới thông qua việc phát triển sản xuất, tích cực tham gia các công

tác xã hội như: sửa chữa và phát hoang các lộ giao thông nông thôn, tham gia bàn bạc dân chủ, tự nguyện đóng góp tiền, của, công sức, đất đai, hoa màu, v.v... để xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng. Bên cạnh những mặt làm được, công tác tuyên truyền ở địa phương còn gặp một số hạn chế như: Công tác tuyên truyền tuy sớm được triển khai và triển khai tương đối đồng bộ, song chưa thực sự có chiều sâu và điểm nhấn, nội dung thông tin tài liệu tuyên truyền thiếu sức thu hút, hình thức tuyên truyền chưa phong phú; một số bộ phận trong Nhân dân chưa nhận thức đúng vai trò, trách nhiệm trong phong trào xây dựng nông thôn mới, xem đây là vai trò của chính quyền địa phương. Vì vậy, trong thời gian tới, xã sẽ đẩy mạnh việc triển khai thực hiện Chương trình với các giải pháp cụ thể, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, vận động sâu rộng để nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân, để Nhân dân thấy được xây dựng nông thôn mới là xây dựng đời sống mới cho chính mình và để rút ngắn khoảng cách giữa thành thị với nông thôn, đảm bảo công bằng xã hội.

b. Công tác đào tạo, tập huấn

Hàng năm, Ủy ban nhân dân xã đều cử cán bộ, công chức tham dự các lớp tập huấn về xây dựng nông thôn mới do các Sở, ban, ngành của tỉnh, huyện tổ chức. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân xã còn phối hợp với Ban chỉ đạo, Văn phòng điều phối tỉnh, huyện tổ chức tập huấn tại địa phương được 10 lớp với hơn 300 lượt cán bộ, công chức là thành viên Ban chỉ đạo, Ban quản lý xã và Ban phát triển các ấp. Qua đó đã nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý, tổ chức thực hiện và giám sát tại cộng đồng đối với cán bộ, công chức xã, ấp và các đoàn thể về xây dựng nông thôn mới.

3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân

3.1 Công tác phát triển sản xuất nông nghiệp

- Trong những năm qua, Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các ngành, đoàn thể đã tập trung chỉ đạo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, sắp xếp lại sản xuất nông nghiệp, quy hoạch sản xuất, phân vùng, cơ cấu lại mùa vụ. Hiện nay diện tích cánh đồng lớn trên địa bàn xã ngày càng mở rộng, diện tích lúa đặc sản đạt cao hơn so với quy hoạch, chăn nuôi phát triển theo hướng tập trung dưới hình thức trang trại, gia trại; diện tích sản xuất lúa sử dụng máy gặt đập liên hợp trong khâu thu hoạch lúa đạt 100%, cơ giới khâu làm đất và bơm tưới đạt 100%, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và giảm thất thoát trong khâu thu hoạch, tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng.

- Phát triển các mô hình sản xuất hiệu quả, mô hình ứng dụng công nghệ cao như: mô hình trồng thanh long xuất khẩu với hệ thống tưới tự động, mô hình sản xuất lúa đặc sản theo hướng an toàn, hữu cơ, mô hình nuôi bò thịt...

- Phối hợp phòng nông nghiệp và ngân hàng CSXH huyện hỗ trợ trong công tác triển khai thực hiện nguồn vốn phát triển sản xuất của Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và nông thôn mới để thực hiện các mô hình: Nuôi tôm, nuôi bò, nuôi heo... nhằm giúp người dân trên địa bàn phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho nông hộ.

- Bên cạnh đó Kinh tế tập thể cũng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao thu nhập người dân. Hiện trên địa bàn xã có 1 HTX, 1 THT... đã phát huy tinh thần tương trợ trong cộng đồng, thực hiện liên kết trong sản xuất và bao tiêu sản phẩm, tạo điều kiện cho xã viên, tổ viên thoát nghèo ổn định bền vững vươn lên khá giàu.

- Trong năm 2020, diện tích trồng lúa trên địa bàn xã 6.300 ha, diện tích trồng màu và cây công nghiệp ngắn ngày trên địa bàn xã là 665 ha, diện tích nuôi trồng thủy sản là 455 ha, tổng đàn gia súc, gia cầm là 73.123 con, trong đó đàn heo 2.416 con, đàn bò 707 con, đàn gia cầm 70.000 con.

3.2 Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn

Tổng số các cơ sở sản xuất kinh doanh và dịch vụ trên địa bàn 42 cơ sở, các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã đã thực hiện tốt các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, hiện nay các cơ sở vẫn duy trì sản xuất đã giúp giải quyết việc làm cho lao động tại địa phương. Trên địa bàn xã vẫn duy trì và phát triển được một số ngành nghề tiểu thủ công nghiệp như nghề mộc, hàn, máy xay xát, kinh doanh dịch vụ các loại vật liệu xây dựng... phục vụ sản xuất nông nghiệp tạo điều kiện phát triển kinh tế trong nhân dân những lúc nông nhàn. Đặc biệt phát triển mạnh về cơ giới hoá đồng bộ như các loại máy làm đất, máy gặt liên hợp.

Về đào tạo nghề cho lao động nông thôn: phối hợp cùng Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện tổ chức cho lao động trên địa bàn tham gia các lớp học nghề như: chăn nuôi, trồng trọt.... được 33 lớp đào nghề cho lao động nông thôn, với tổng số 1.815 học viên tham gia, góp phần giải quyết việc làm mới cho lao động nông thôn, Bên cạnh đó còn giới thiệu được 21 lao động làm việc ở nước ngoài (xuất khẩu lao động).

3.3 Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân

Công tác giảm nghèo, nâng cao thu nhập cho người dân luôn được xã chú trọng và đặt biệt quan tâm thực hiện. Trong thời gian qua xã đã thực hiện đầu tư với nhiều chương trình, dự án, nhằm hỗ trợ vốn đầu tư phát triển sản xuất, mua bán nhỏ, mô hình chăn nuôi, ngoài ra giúp đối tượng hoàn lương trở về địa phương tham gia phát triển sản xuất. Phối hợp Ngân hàng chính sách xã hội huyện cho các hộ vay vốn phát triển sản xuất, trong đó tập trung cho mô hình chăn nuôi gà, nuôi bò, nuôi heo.

UBND xã phối hợp cùng đoàn thể và ban nhân dân các ấp vận động người dân cải tạo vườn tạp kém hiệu quả chuyển sang trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao, đầu tư mở rộng các cơ sở sản xuất - kinh doanh và phát triển các dịch vụ gắn với đào tạo nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp; chuyển dịch cơ cấu kinh tế cây trồng, vật nuôi, nhất là các mô hình đạt năng suất, chất lượng và mang lại hiệu quả thiết thực cho nhân dân; tạo mọi điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận với các nguồn vốn vay ưu đãi để đầu tư phát triển sản xuất, mở rộng ngành nghề, từng bước giải quyết việc làm cho lao động nông thôn. Kết quả đến nay tổng số hộ nghèo của xã còn 104 hộ, chiếm tỷ lệ 3,98%. Thu nhập bình quân đạt 51,91 triệu đồng/người/năm.

4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới

Tổng nguồn lực huy động từ năm 2011 đến nay thực hiện: 82.835 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương 13.955 triệu đồng, chiếm 16,85%.
- Ngân sách tỉnh 280 triệu đồng, chiếm 0,34%.
- Vốn lồng ghép 56.474 triệu đồng, chiếm 68,17%.
- Nhân dân đóng góp 12.126 triệu đồng, chiếm 14,1%.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Qua 11 năm triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới xã Mỹ Thuận đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật, bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới, cơ sở hạ tầng được đầu tư ngày càng hoàn thiện, đời sống vật chất tinh thần của người dân từng bước được nâng cao. Cụ thể, đến đầu năm 2021 số tiêu chí đạt là 19 tiêu chí, tăng 14 tiêu chí so với năm 2011.

Cơ sở hạ tầng – kinh tế xã hội đã thay đổi rõ rệt: Giao thông, số Km đường từ trung tâm xã được nhựa hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm thực hiện 14,950/14,950 km đạt 100%. Số trường có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia 3/3 trường đạt 100% tăng 75% so với năm 2011. Có 10/10 ấp đều có nhà sinh hoạt cộng đồng và khu thể thao cơ bản đảm bảo phục vụ nhu cầu về văn hóa thể thao của người dân tăng 09 ấp. Tỷ lệ nhà ở đạt chuẩn bộ xây dựng đạt trên 74,1%, không còn nhà tạm, dột nát giảm 510 căn so với năm 2011.

Kinh tế và tổ chức sản xuất: Thu nhập của người dân ngày càng được nâng cao thu nhập bình quân đầu người tính đến năm 2021 ở khu vực nông thôn là 51,91 triệu đồng/người/năm tăng 30,91 triệu đồng so với năm 2011. Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động đạt trên 92,16%. Tỷ lệ hộ nghèo giảm rõ rệt đến nay tỷ lệ hộ nghèo toàn xã là 3,98%, giảm 19,26% so với năm 2011.

Văn hóa – xã hội – môi trường: Có 10/10 ấp đều đạt ấp văn hóa, xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh trên 97,62%, trong đó tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt 66,54%, tăng 28,5% so với năm 2011.

Thực hiện theo Hướng dẫn số 12/HD-BCĐ ngày 31/5/2017 của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Sóc Trăng về đánh giá, công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới và xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2016 - 2020. Đến nay, tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định là 19/19 tiêu chí, đạt 100%, cụ thể:

1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn.

- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Xác định công tác quy hoạch là tiêu chí đầu tiên, quan trọng của việc xây dựng nông thôn mới, Ban chỉ đạo xã đã phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Mỹ Tú, các đơn vị tư vấn và các phòng, ban có liên quan thực hiện rà soát, lập quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới và đã được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú phê duyệt tại Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 06/12/2011 và bổ sung phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã tại Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 15/5/2017. Đồng thời tổ chức công bố, công khai quy hoạch chung nông thôn mới được duyệt tới các ấp, các hộ dân trên địa bàn xã.

- Các nội dung đã thực hiện: Rà soát, lập quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới; tổ chức công bố, công khai quy hoạch; xây dựng quy chế quản lý quy hoạch được duyệt.

- Khối lượng thực hiện:

+ Quy hoạch nông thôn mới được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú phê duyệt tại Quyết định số 227/QĐ-UBND, ngày 06/12/2011 và Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 15/5/2017.

+ Duy trì tốt việc niêm yết các bản vẽ quy hoạch tại các điểm thuận lợi cho người dân quan sát như: Trụ Sở UBND xã, Nhà Văn hóa xã.

+ Công tác thực hiện cấm mốc chỉ giới các công trình hạ tầng theo kế hoạch dự kiến đầu tư xây dựng của xã theo quy hoạch: Đang làm hồ sơ thực hiện.

+ Quy chế quản lý quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 05/6/2017.

c. Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 1 về Quy hoạch: Đạt

2. Tiêu chí số 2 về Giao thông

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt 100%.

- Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt $\geq 50\%$.

- Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa đạt 100% (trong đó cứng hóa $\geq 30\%$).

- Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm đạt $\geq 50\%$.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Giao thông là một trong những điều kiện thúc đẩy nền kinh tế phát triển của địa phương, trước khi thực hiện chương trình các tuyến lộ giao thông trục ấp, liên ấp chủ yếu là lộ đất 2m và một số là lộ đất chưa được cứng hóa, gây cản trở tới công tác vận chuyển hàng hóa của người dân. Nhờ sự đầu tư của nhà nước từ các chương trình dự án, sự đồng thuận của người dân được thể hiện qua việc hiến đất, ngày công, hoa màu, vật kiến trúc... cùng với sự giám sát chặt chẽ từ các công đoạn thi công của cộng đồng dân cư trong khuôn khổ dự án thực hiện theo cơ chế đặt thù, đến nay các tuyến lộ nông thôn trục xã cơ bản đạt 100% và đường trục ấp đạt trên 50%.

- Khối lượng thực hiện:

+ Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm với chiều dài 14,950 km được nhựa hóa đảm bảo ô tô đi lại quanh năm đạt 100%.

+ Đường trục ấp và đường liên ấp đã được bê tông hóa 5/6 tuyến đường đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm với chiều dài 11,837/16,637 km đạt 71,15%, đường trục ấp và liên ấp có mặt đường đạt chuẩn theo quy định từ 3m trở lên tăng 11,837 km so với trước khi thực hiện chương trình.

+ Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa hiện đảm bảo không lầy lội với chiều dài 15,930/15,930 km đạt 100%. Trong đó các tuyến đường được bê tông hóa 15,030 km/15,930 km đạt 94,35% tăng 8,967 km so với trước khi thực hiện chương trình.

+ Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm với chiều dài 3,860/5,900km đạt 65,42% tăng 2,475km so với trước khi thực hiện chương trình..

c. Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 2 về Giao thông: Đạt

3. Tiêu chí số 3 Về Thủy lợi

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.

- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng, chống thiên tai tại chỗ.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Toàn xã có 56 tuyến kênh với chiều dài 96,18 km, hàng năm các hệ thống thủy lợi được quan tâm đầu tư nạo vét, công tác thủy lợi nội đồng được người dân tham gia tốt, hàng năm đạt và vượt chỉ tiêu trên giao; 9/9 công trình công, bọng được kiên cố hóa. Tất cả các công trình thủy lợi đều đã bàn giao cho Ban nhân dân ấp tự quản lý, khai thác và sử dụng. Ủy ban nhân dân xã đã thành lập Ban chỉ huy và Đội xung kích phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã; hàng năm có xây dựng kế hoạch và kiện toàn thường xuyên, đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo quy định.

- Các nội dung đã thực hiện: nạo vét các tuyến kênh, kiên cố hóa các công trình công, bọng; Bàn giao các công trình thủy lợi cho Ban nhân dân ấp tự quản lý, khai thác và sử dụng; Thành lập Ban chỉ huy và Đội xung kích phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã.

- Khối lượng thực hiện:

+ Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên: Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã là 2.853,10 ha, trong đó diện tích được tưới và tiêu chủ động là 2.853,10 ha (đạt 100%); có hệ thống nội đồng đảm bảo tưới, tiêu tới mặt ruộng; có hệ thống công trình thủy lợi được xây dựng theo quy hoạch và thiết kế được duyệt, được nạo vét, sửa chữa, bồi đắp, bảo dưỡng thường xuyên đảm bảo phát huy trên 80% năng lực thiết kế; có tổ chức (ấp) làm công tác quản lý, khai thác, bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi hoạt động có hiệu quả phục vụ sản xuất, được đa số người dân hưởng lợi đồng thuận.

+ Hệ thống thủy lợi đảm bảo tạo nguồn cấp nước phục vụ sản xuất và dân sinh: Có đầu tư nạo vét kênh tạo nguồn, hệ thống nội đồng đảm bảo cấp nước tới mặt ruộng; có hệ thống công trình thủy lợi đảm bảo cung cấp nguồn nước tưới tiêu

cho sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; có khả năng cấp nước khi nắng kéo dài khoảng 25 ngày.

+ Xây dựng và thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng, chống thiên tai của xã sát với tình hình thiên tai tại địa phương và được lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Thành lập và kiện toàn Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của xã theo Luật Phòng, chống thiên tai.

+ Tập huấn kiến thức phòng, chống thiên tai đối với cộng đồng: Có đội xung kích phòng, chống thiên tai và cứu hộ, cứu nạn được tập huấn kiến thức về cứu hộ, cứu nạn và duy trì hoạt động thường xuyên trên địa bàn xã. Đảm bảo các điều kiện để truyền tải và cung cấp thông tin cảnh báo thiên tai kịp thời đến người dân. Đã tổ chức diễn tập về công tác phòng, chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn năm 2016.

+ Tất cả các vụ việc vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai đã được kiểm tra, phát hiện và xử lý.

c. Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 3 về Thủy lợi: Đạt

4. Tiêu chí số 4 về Điện

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Hệ thống điện đạt chuẩn theo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.
- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt $\geq 98\%$.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Cải tạo chỉnh trang các tuyến hiện có, xây dựng mới tuyến trung thế và hạ thế, đưa điện đến khắp các hộ, vận động người dân đầu nối đồng hồ điện.

- Các nội dung đã thực hiện: Xây dựng mới các tuyến trung thế và hạ thế, triển khai các dự án hỗ trợ điện cho người dân chưa có điện sử dụng và vận động người dân đầu nối đồng hồ điện, kết hợp với dự án hỗ trợ Điện cho đồng bào khmer.

- Khối lượng thực hiện:

- + Hệ thống cung cấp điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn theo quy định.
- + Tổng số hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn trên địa bàn xã Mỹ Thuận là 2.561/2.612 hộ, đạt tỷ lệ 98,04% tăng 15% so với năm 2011.

c. Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 4 về Điện: Đạt

5. Tiêu chí số 5 về Trường học

a. Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia đạt $\geq 70\%$.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Trước đây các điểm trường chính và điểm trường lẻ cơ sở vật chất thiếu thốn, không đạt chuẩn. Trong những năm qua, được sự quan tâm từ các cấp, các ngành đã huy động, lồng ghép mọi nguồn lực từ các chương trình, dự án khác để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp sửa chữa cơ sở vật chất các điểm trường đạt chuẩn theo quy định.

- Các nội dung đã thực hiện: Đầu tư xây mới, nâng chất, sửa chữa các trường có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.

- Khối lượng thực hiện: Có 3/3 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 về cơ sở vật chất, đạt tỷ lệ 100%, tăng 03 trường so với năm 2011. Bao gồm:

c. Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 5 về Trường học: Đạt

6. Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

- Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng đạt 100%.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Công tác xã hội hóa là một trong những nội dung cần thiết, nhằm duy trì và phát huy hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao và nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, hoạt động vui chơi, giải trí thu hút nhân dân trên địa bàn tham gia. Các phong trào của Hội đoàn thể ngày càng được quan tâm, được đoàn viên, hội viên đồng thuận hưởng ứng. Các Nhà văn hóa xã, ấp không chỉ là nơi hội họp mà còn là nơi gặp gỡ, giao lưu văn hóa, văn nghệ của bà con địa phương.

- Các nội dung đã thực hiện: Xây dựng Nhà văn hóa có bộ phận vui chơi giải trí trong nhà và ngoài trời, nơi luyện tập sinh hoạt văn nghệ. 10/10 ấp có nhà sinh hoạt cộng đồng ấp, sân thể thao phục vụ cộng đồng, được trang bị bàn, ghế, tủ, cờ tổ quốc, cờ Đảng, ảnh Bác Hồ, băng khẩu hiệu, nội quy hoạt động, v.v...

- Khối lượng thực hiện:

+ Hội trường Nhà văn hóa đa năng với 200 chỗ ngồi là nơi hội họp xem biểu diễn văn nghệ và có đầy đủ trang thiết bị như: Bàn, ghế, giá, tủ, trang bị âm thanh, ánh sáng, đài truyền thanh, v.v... Nhà văn hóa đa năng gồm có 3 phòng chức năng như: Phòng đọc sách, báo, thư viện; phòng hành chính; phòng thông tin truyền thanh. Có các công trình thể thao trên địa bàn xã gồm: Sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân bi sắt, sân bóng rổ, sân cầu lông, v.v... Dụng cụ thể dục thể thao đảm bảo theo công trình thể thao và các môn thể thao của xã.

+ Hiện xã có điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi được xây dựng trong khuôn viên trụ sở xã. Bên cạnh đó, trẻ em và người cao tuổi của địa phương còn chọn các điểm trường, các điểm chùa, v.v... để vui chơi, giải trí và tập luyện thể thao. Ngoài ra, xã còn có 01 Câu lạc bộ Tập dưỡng sinh của Hội Người cao tuổi và các câu lạc bộ bi sắt, cờ tướng, bóng đá, bóng chuyền do xã thành lập để cho các hội viên có nơi giải trí vào các ngày cuối tuần, các dịp lễ tết. Nhìn chung, cơ sở vật chất và trang thiết bị của các điểm vui chơi, giải trí trên địa bàn cơ bản đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí của trẻ em và người cao tuổi của địa phương. Thời gian sử dụng trong năm để tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em là 32% và người cao tuổi là 22%.

+ Xã có 100% ấp có nhà sinh hoạt cộng đồng ấp, thể thao phục vụ cộng đồng. Quy mô xây dựng: Hội trường với 50 chỗ ngồi và có đầy đủ trang thiết bị như: Bàn, ghế, giá, tủ, cờ tổ quốc, cờ Đảng, ảnh Bác Hồ, băng khẩu hiệu, cờ trang trí, bảng tin, nội quy hoạt động, v.v... Ngoài ra, các ấp còn có các công trình thể thao phù hợp với phong trào thể thao ở địa phương như: Sân bóng đá, sân cầu lông, sân bóng chuyền, sân bi sắt v.v...

c. Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa: Đạt

7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a. Yêu cầu của tiêu chí

Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa: Xã có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn đạt 01 trong 03 nội dung:

- Có chợ nông thôn trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đạt 100% chỉ tiêu loại A, 50% chỉ tiêu loại B trở lên quy định tại điểm a, tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, ban hành kèm theo Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Có siêu thị mini đạt 100% chỉ tiêu loại A và 50% chỉ tiêu loại B trở lên quy định tại điểm b, tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, ban hành kèm theo Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Có cửa hàng (Bách hóa xanh) tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt 100% chỉ tiêu loại A và 50% chỉ tiêu loại B trở lên quy định tại điểm c, tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, ban hành kèm theo Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

Đối với tiêu chí số 7 hiện nay xã Mỹ Thuận đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy hoạch xây dựng khu thương mại 2,39ha, tuy nhiên địa bàn xã Mỹ Thuận nằm tiếp giáp với chợ trung tâm huyện, chợ Nhu Gia (Xã Thạnh Phú) và chợ Cầu Trắng (Xã Thuận Hưng), đa số nhân dân chủ yếu tập trung mua sắm tại các chợ trung tâm trên. Do đó xã chưa có nhu cầu cần thiết về xây dựng Chợ (tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn).

c. Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Đạt

8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Xã có điểm phục vụ bưu chính: Có ít nhất một điểm phục vụ, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định.
- Xã có dịch vụ viễn thông, internet theo quy định.
- Xã có Đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn theo quy định.
- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành theo quy định.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Khuyến khích các hộ dân trong xã có điều kiện đầu tư kinh doanh dịch vụ internet nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân dễ dàng tiếp cận thông tin; đưa điểm truy cập Internet đến 10/10 ấp; các hệ thống loa phát thanh được quan tâm đầu tư; máy móc trang thiết bị của cán bộ, công chức xã được kết nối internet và sử dụng hệ thống văn bản quản lý điều hành.

- Các nội dung đã thực hiện: Duy trì điểm phục vụ bưu chính, viễn thông; hạ tầng kỹ thuật viễn thông đáp ứng nhu cầu của người dân; hệ thống loa hoạt động, phục vụ tốt công tác thông tin tuyên truyền của địa phương; trang thiết bị máy móc phục vụ trong công tác quản lý điều hành được đầu tư cơ bản đáp ứng nhu cầu.

- Khối lượng thực hiện:

+ Xã có điểm phục vụ bưu chính: xã có điểm phục vụ Bưu chính có người phục vụ đang hoạt động, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính của các tổ chức, các cá nhân tại địa phương. Điểm phục vụ Bưu chính có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu

chính tại địa phương, có treo biển tên điểm phục vụ, niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ. Phục vụ bưu chính có người phục vụ cung cấp các dịch vụ: Nhận gửi, chuyển phát bưu phẩm, bưu kiện đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Quyết định 441/QĐ-BTTTT ngày 28/3/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

+ Xã có dịch vụ viễn thông, Internet: 100% các ấp trên địa bàn xã đều có hạ tầng kỹ thuật viễn thông, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất và di động mặt đất, dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất và di động mặt đất. Chất lượng dịch vụ viễn thông, Internet đáp ứng các quy chuẩn: QCVN 35:2011/BTTTT, QCVN 34:2014/BTTTT, QCVN 81:2014/BTTTT, QCVN 36:2015/BTTTT.

+ Xã có Đài truyền thanh và có hệ thống loa đến các ấp: xã có đài truyền thanh hữu tuyến do UBND xã thiết lập, trực tiếp quản lý nhân sự, máy móc thiết bị và kinh phí hoạt động. 100% ấp trong xã có hệ thống loa hoạt động, phục vụ tốt công tác thông tin tuyên truyền của địa phương.

+ Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành; 100% cán bộ, công chức xã được cấp hộp thư điện tử công vụ và sử dụng hộp thư điện tử công vụ để giải quyết công việc. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành được triển khai liên thông từ tỉnh đến xã; tỷ lệ máy tính/số cán bộ, công chức đạt trên 1/1. Máy tính của cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã đều được kết nối internet băng rộng.

c. Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông: Đạt

9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Trên địa bàn xã không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, nhà dột nát.
- Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định đạt $\geq 70\%$.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Các nhà ở dân cư trên địa bàn xã chủ yếu dọc theo tuyến đường tỉnh 938, 940, huyện lộ 82, 87, 89 và các khu dân cư tập trung,... giai đoạn trước khi thực hiện chương trình toàn xã có 510 căn nhà tạm, dột nát (chiếm 21,84% tổng số nhà ở trên địa bàn) và chỉ có 897 căn nhà đạt chuẩn (chiếm tỉ lệ 38,41% tổng số nhà ở trên địa bàn). Ủy ban nhân dân xã đã quan tâm triển khai thực hiện tốt các chương trình 135, chương trình 167 hỗ trợ nhà cho hộ nghèo và từ các chương trình khác, đến nay trên địa bàn xã không còn nhà tạm, dột nát.

- Các nội dung đã thực hiện: Xóa 510 căn nhà tạm, dột nát; thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ đối với gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo để xây dựng nhà ở đạt chuẩn theo quy định.

- Khối lượng thực hiện:

+ Trên địa bàn xã hiện không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, nhà dột nát.

+ Số hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định trên địa bàn xã Mỹ Thuận là 1.730/2.335 căn, đạt tỷ lệ 74,09%, tăng 15,40% so với năm 2011.

c. Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư: Đạt

10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập

a. Yêu cầu của tiêu chí

Có mức thu nhập bình quân đầu người/năm của xã đạt ≥ 50 triệu đồng.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Đẩy mạnh các hoạt động chuyển giao và ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất. Tận dụng từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, vốn vay... triển khai thực hiện các mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cao, mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Hỗ trợ các hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo được tiếp cận các nguồn vốn vay của các Ngân hàng để thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh để phát triển kinh tế nâng cao thu nhập cho người dân.

+ Triển khai thực hiện, nhân rộng các mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả kinh tế; Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, Ban nhân dân áp tuyên truyền vận động người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tập trung cải tạo vườn tạp, phát triển chăn nuôi, tăng gia sản xuất nhằm góp phần tăng thu nhập cho nông dân. Đẩy mạnh liên kết sản xuất gắn với bao tiêu sản phẩm nông nghiệp góp phần phát triển nông nghiệp bền vững.

+ Tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm và tuyên truyền vận động người lao động tham gia các lớp đào tạo nghề; phối hợp với Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện và các cơ sở trong và ngoài huyện tổ chức các lớp dạy nghề cho lao động của địa phương;

- Khối lượng thực hiện: Qua kết quả điều tra thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã Mỹ Thuận: 51,91 triệu/người/năm, tăng 30,91 triệu đồng/người/năm so với năm 2011

c. Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 10 về Thu nhập: Đạt

11. Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo

a. Yêu cầu của tiêu chí

Có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016 - 2020 của xã đạt $\leq 4\%$.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo và giao chỉ tiêu đầu năm về đăng ký thoát nghèo, mỗi quý rà soát đánh giá số hộ thoát nghèo trên địa bàn xã. Đồng thời thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội và người nghèo. Tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho các đối tượng chính sách xã hội, người có công trong các dịp, lễ tết.

- Các nội dung đã thực hiện: Ngân hàng chính sách xã hội đã phát vay cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo vay vốn để đầu tư sản xuất, phát triển kinh tế gia đình, nhằm tăng thu nhập thoát nghèo bền vững.

- Khối lượng thực hiện: Qua rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và họp bình xét hộ nghèo, hộ cận nghèo của các ấp trên địa bàn xã Mỹ Thuận, hiện nay tổng số hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều trên địa bàn xã là 104/2.612 hộ, chiếm tỷ lệ 3,98% trên tổng số hộ của toàn xã, giảm 19,26% so với năm 2011.

c. Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 11 về Hộ nghèo: Đạt

12. Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm

a. Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động đạt từ 90% trở lên.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Xác định ngành nghề chủ yếu của địa phương nhằm định hướng cho người dân phát triển bền vững, đẩy mạnh đào tạo nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, khuyến khích, mời gọi đầu tư.

- Các nội dung đã thực hiện: Tổ chức tuyên truyền vận động người lao động tham gia các lớp đào tạo nghề; Phối hợp với Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện và các cơ sở trong và ngoài huyện tổ chức các lớp dạy nghề, tư vấn giới thiệu việc làm tại các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh cho lao động của địa phương.

- Khối lượng thực hiện: Qua kết quả điều tra tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên trên địa bàn xã Mỹ Thuận đạt 92,14% (376/404 lao động/05 ấp).

c. Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm: Đạt

13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Tập trung nạo vét các công trình thủy để phục vụ cho sản xuất; vận động hộ nông dân thực hiện sản xuất theo mô hình kinh tế tập thể. Tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về ý thức bảo vệ môi trường, nhất là bảo vệ nguồn nước phục vụ sản xuất; kiên quyết không thải sinh bùn ra sông, rạch gây ô nhiễm môi trường.

- Các nội dung đã thực hiện: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động người dân tích cực tham gia vào HTX, THT thực hiện sản xuất tập trung gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm để thực hiện chuỗi liên kết giá trị trong sản xuất nông nghiệp; củng cố hoạt động của HTX và các tổ hợp tác nhằm định hướng cho HTX và tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả hơn.

- Khối lượng thực hiện:

+ Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012: Trên địa bàn xã có 01 HTX nông nghiệp hoạt động theo đúng quy định của Luật hợp tác xã năm 2012, có 222 thành viên, tổng vốn điều lệ 600 triệu đồng, diện tích 40 ha, ngành nghề đăng ký hoạt động là sản xuất lúa giống, lúa thương phẩm; dịch vụ nông nghiệp cho các thành viên; trong đó HTX Nông nghiệp Mỹ Thuận có tổ chức hoạt động một số dịch vụ như làm đất, thu hoạch lúa, cung cấp vật tư nông nghiệp và liên kết tiêu thụ đầu ra, mang lại hiệu quả cho thành viên.

+ Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững: Lúa là sản phẩm chủ lực của xã với diện tích đất trồng lúa 2.230 ha. Đây là loại cây trồng chủ lực phù hợp với định hướng tái cơ cấu của huyện và gắn với hoạt động sinh kế của đa số người dân trong xã; trong thời gian qua được các ngành chức năng của tỉnh hỗ trợ người dân áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất như “3 giảm, 3 tăng”, “1 phải 5 giảm”,... trong những năm qua trên địa bàn xã có hợp đồng liên kết với các doanh nghiệp bao tiêu ổn định với diện tích 120 ha tạo đầu ra ổn định cho người dân.

c. Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất: Đạt

14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

- Có tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) đạt $\geq 80\%$.

- Có tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt $\geq 25\%$.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Với sự quan tâm sâu sát của Ban chỉ đạo phổ cập huyện, Ban chỉ đạo phổ cập xã tích cực vận động trẻ trong độ tuổi ra lớp, nâng cao chất lượng giáo dục và được công nhận là xã đạt chuẩn Phổ cập giáo dục - Xóa mù chữ.

- Các nội dung đã thực hiện: Đưa đội ngũ cán bộ giáo viên tham gia học tập các lớp trên chuẩn, tuyên truyền trong nhân dân về lợi ích trình độ học vấn, đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu về cơ sở vật chất cho đội ngũ giáo viên đứng lớp, kịp thời giúp đỡ những trường hợp nghỉ học, bỏ học do gia đình khó khăn; phát động rộng rãi phong trào học nghề, lập thân, lập nghiệp nhất là lực lượng trẻ. Đề chuyển đổi cơ cấu lao động, nhu cầu đào tạo nghề; tổ chức nhiều dạng tập huấn, bồi dưỡng tay nghề, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật về sản xuất cho nông dân áp dụng; tổ chức các lớp tập huấn trang bị kiến thức về quản lý, điều hành sản xuất cho chủ nhiệm HTX, tổ hợp tác..

- Khối lượng thực hiện:

+ Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đến lớp 374/381 đạt 97,90%; Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non 177/180 đạt 98,33%; Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1: 200/202 đạt 99,01%; Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học 170/181 đạt 93,92%; Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở 474/528 đạt 89,77% (điều kiện đạt 80% trở lên);

+ Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi đang học chương trình phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp đạt: 431/528 học sinh đạt tỷ lệ 81,63% (điều kiện đạt 80% trở lên).

+ Tổng số người trong độ tuổi từ 15- 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ: 3.162/3.171, tỷ lệ 99,62%.

+ Tổng số lao động trong độ tuổi có việc làm của xã hiện nay là 6.986 người, trong đó lao động có việc làm qua đào tạo là 1.815 người, chiếm tỷ lệ 25,98% tổng số lao động trong độ tuổi có việc làm của xã, tăng 7,51% so với năm 2011.

c. Tự đánh giá

- Tỷ lệ áp dụng chuẩn “Áp văn hóa nông thôn mới” $\geq 30\%$.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Vận động Ban quản trị các Chùa, Đình, Miếu trên địa bàn xã bảo quản tốt nét đặc thù vốn có; vận động thực hiện nếp sống mới trong việc cưới, việc tang, lễ hội; giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương (sinh hoạt lễ hội có tính hướng thiện, đoàn kết cộng đồng);

- Các nội dung đã thực hiện: Tổ chức trồng cây xanh ở điểm sinh hoạt cộng đồng (nhà văn hóa ấp, trường học, cụm tuyến dân cư) và vận động mỗi gia đình tận dụng đất thổ cư trồng cây ăn trái, cải tạo vườn tạp trồng cây lấy gỗ vừa tạo mỹ quan, vừa có ích về kinh tế, sức khỏe và môi trường; xây dựng mỗi điểm, tuyến dân cư, mỗi tổ nhân dân tự quản một số hình ảnh mẫu về gia đình sản xuất giỏi, vợ chồng thuận thảo, bình đẳng, nuôi con khỏe, dạy con ngoan; xã hội hóa từng bước các hoạt động văn hóa, thể thao; thực hiện việc đưa pháp luật đến từng hộ dân thông qua các đoàn thể, tổ nhân dân tự quản.

- Khối lượng thực hiện: Xã có 10/10 ấp đều đạt chuẩn áp văn hóa, đạt 100% so với quy định và có 4/10 ấp đạt chuẩn áp văn hóa nông thôn mới đạt 40%.

c. Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 16 về Văn hóa: Đạt

17. Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định đạt $\geq 95\%$ (trong đó có $\geq 65\%$ nước sạch).

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%.

- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.

- Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch:

+ Xã có quy hoạch đất làm nghĩa trang lâu dài phù hợp tập quán của địa phương (trừ nơi có tập quán an táng không ở nghĩa trang); có hình thức táng phù hợp tập quán của địa phương;

+ Không để xảy ra ô nhiễm môi trường trong hoạt động địa táng, hỏa táng trên phạm vi địa bàn xã.

- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ) đạt $\geq 70\%$.

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt $\geq 70\%$.

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Hệ thống nước sạch được đầu tư xây dựng hàng năm, tận dụng các chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án để lắp đặt đồng hồ nước cho hộ nghèo, hộ cận nghèo,...; tuyên truyền cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản đăng ký và cam kết đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường; phát động phong trào thi đua về thực hiện tuyến đường nông thôn mới kiểu mẫu; tuyên truyền sâu rộng trong dân về an toàn và vệ sinh thực phẩm bằng nhiều hình thức như phát thanh, tờ bướm, tuyên truyền miệng, v.v...

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Vận động các hộ dân không sử dụng nước sông, kênh, rạch hay ao, hồ trong việc tắm - rửa, giặt - giũ hay trong ăn - uống.

+ Xã đã có kế hoạch phối hợp cùng các ban, ngành, đoàn thể xã vận động người dân tham gia xử lý rác thải tại nhà, không vứt rác xuống kênh rạch; phối hợp các ngành có liên quan chọn tuyến đường trọng điểm, tổ chức thực hiện thu gom chất thải và hỗ trợ mô hình phân loại rác thải tại hộ gia đình cho người dân tiếp tục được nhân rộng trên địa bàn xã. 100% cơ sở thực hiện phân loại, thu gom, xử lý chất thải (nước thải, khí thải chất thải rắn) và các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đến môi trường.

+ Hằng năm, xã đều xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn phù hợp với đặc điểm kinh tế, sinh thái, văn hóa của địa phương; triển khai và phối hợp với các ngành có liên quan trồng cây xanh (gồm cây bóng mát, cây cảnh, hoa, v.v...) dọc theo các tuyến lộ, các điểm trường, khu trung tâm xã và nhà sinh hoạt cộng đồng các ấp. Việc trồng cây phù hợp với quy hoạch được phê duyệt và đảm bảo không ảnh hưởng đến an toàn giao thông, không làm hư hại đến các công trình của nhân dân và các công trình công cộng. Phát động phong trào thi đua trong từng ấp về thực hiện tuyến đường nông thôn mới kiểu mẫu; tuyên truyền sâu rộng trong dân về an toàn và vệ sinh thực phẩm bằng nhiều hình thức như phát thanh, tờ bướm, tuyên truyền miệng...

+ Ủy ban nhân dân xã đã phối hợp với các ngành có liên quan và tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ từ cấp trên để xây dựng 01 lò hỏa táng tại chùa Tam Sóc. Bên cạnh đó, xã còn có 01 vị trí được quy hoạch đất làm nghĩa trang lâu dài phù hợp tập quán của địa phương với tổng diện tích 2 ha, vị trí này hiện đã có mộ chôn.

+ Hàng năm, xã đều có xây dựng phương án thu gom và xử lý rác thải trên địa bàn, trong đó có nêu rõ: đơn vị phụ trách thu gom, vận chuyển; chủng loại, số lượng phương tiện vận chuyển; cách thức phân loại; tần suất, lịch trình thu gom đối với từng cụm dân cư. Bên cạnh đó, xã còn phối hợp với Trạm Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng; không để tình trạng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, sản phẩm xử lý môi trường nông nghiệp hết hạn hoặc các vỏ bao bì, dụng cụ đựng các sản phẩm này sau khi sử dụng hoặc phụ phẩm nông nghiệp bị vứt, đổ bừa bãi ra môi trường, đặc biệt là tại các khu vực trồng trọt, các nguồn nước sông, kênh, rạch,... Các phụ phẩm nông nghiệp đa số được người dân tái sử dụng (bao tiêu rơm cuộn) hoặc thu gom xử lý theo quy định, không có hiện tượng đốt ngoài đồng ruộng hoặc vứt bừa bãi nơi công cộng, cản trở giao thông. Chất thải rắn y tế định kỳ hàng tuần được Trạm Y tế xã phân loại, thu gom và xử lý theo quy định.

+ Hộ gia đình, cá nhân và các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn đều cam kết thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường và quy định của địa phương về quản lý chất thải rắn, nước thải.

- Khối lượng thực hiện:

+ Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh trên toàn xã 2.550/2.612 hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, đạt 97,62%; trong đó đã có 1.738/2.612 hộ sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn Quốc gia, đạt tỷ lệ 66,54%.

+ Hiện trên địa bàn xã có 53/53 cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện việc cam kết bảo vệ môi trường, đạt 100%.

+ Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh – sạch – đẹp, an toàn: Không có hoạt động gây suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp, có hàng rào cây xanh trước cổng nhà và đường vào nhà sạch sẽ.

+ Xã có quy hoạch 01 nghĩa trang nhân dân và có 01 lò hỏa táng được đảm bảo mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.

+ Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.

+ Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: có 70,5% (1.657/2.612) hộ có nhà tắm, nhà tiêu đạt chuẩn, 90% (2.350/2.612) hộ có bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, 70% (1.829/2.612) hộ có đường làng ngõ xóm, cảnh quan xanh – sạch – đẹp.

+ Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: 65/90 hộ, đạt 72% không gây ô nhiễm không khí và nguồn nước xung quanh.

+ Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: Có 39/39 hộ cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm, đạt 100%.

c. Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm: Đạt

18. Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định.
- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.
- Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”.
- Có 100% tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên.
- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.
- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: củng cố kiện toàn các chức danh cán bộ công chức xã đạt chuẩn; đào tạo nâng cao năng lực các trường ấp, tổ trưởng tổ nhân dân tự quản; đẩy mạnh công tác phát triển Đảng viên, có cơ chế khuyến khích con em người địa phương đã tốt nghiệp đại học về công tác tại địa phương;

- Các nội dung đã thực hiện: Xã có đầy đủ các bộ phận làm việc, trong đó có bộ phận 01 cửa, nhà làm việc cho lực lượng công an, quân sự; Đầu tư trang thiết bị làm việc như bàn ghế, tủ hồ sơ, máy tính, máy photo,... Bổ sung, hoàn thiện các quy chế làm việc trong bộ máy chính quyền, các đoàn thể chính trị, quy chế làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ xã, quy chế dân chủ ở các ấp; nâng cao năng lực lãnh đạo điều hành của Chi bộ và Ban Nhân dân ấp.

- Khối lượng thực hiện:

+ Về tỷ lệ cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định: Theo quy định Mỹ Thuận là xã loại I có 22/22 chức danh cán bộ, công chức. Tuy nhiên tính đến ngày 31/12/2020 xã đã bố trí được 20/22 chức danh, gồm 20 cán bộ, công chức, trong đó 01 chức danh kiêm nhiệm (Chủ tịch HĐND xã) và hiện đang khuyết 02 chức danh, có 20/20 cán bộ, công chức đạt chuẩn theo quy định, chiếm tỷ lệ 100%.

+ Về có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định: Hiện nay, hệ thống tổ chức chính trị ở xã được thành lập đủ theo đúng quy định của cấp có thẩm quyền, gồm: Đảng bộ xã, Chính quyền xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt

Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

+ Về Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Hoàng thành tốt nhiệm vụ”: Hàng năm, Đảng bộ xã Mỹ Thuận đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, Chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”.

+ Về tỷ lệ các tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên: 100% các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã đều được công nhận đạt loại khá trở lên năm 2020.

+ Về đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định: xã Mỹ Thuận được Ủy ban nhân dân huyện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020 tại Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 21/01/2021.

+ Về đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội: Hàng năm, xã luôn làm tốt công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ và bảo trợ những người dễ bị tổn thương trong lĩnh vực gia đình và đời sống xã hội; có xây dựng kế hoạch phòng, chống bạo lực gia đình và tuyên truyền rộng rãi bằng nhiều hình thức phong phú. Hiện tại xã có 04/13 đồng chí là nữ ủy viên ban chấp hành Đảng bộ chiếm 30,77% và có quy hoạch nữ vào vị trí lãnh đạo chủ chốt của xã. 100% nữ trên địa bàn xã có nhu cầu vay vốn ưu đãi đều được hỗ trợ vay từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức khác. Trên địa bàn xã không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, buôn bán người.

c. Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật:
Đạt

19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

- Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Chỉ đạo lực lượng Công an, Quân sự nắm chặt tình hình địa bàn, ngăn chặn kịp thời những tệ nạn xã hội, đảm bảo hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh; xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ

quốc trong toàn dân, giữ vững an ninh chính trị tại địa bàn; giải quyết 100% đơn thư từ cơ sở theo thẩm quyền; không để khiếu kiện vượt cấp, đông người.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, kiện toàn lực lượng dự bị động viên; đảm bảo đủ quân số, thời gian huấn luyện cho lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên; vận động thanh niên trong độ tuổi nghĩa vụ đăng ký và chấp hành luật nghĩa vụ quân sự theo quy định.

+ Chỉ đạo lực lượng Công an kết hợp chặt chẽ với lực lượng quần chúng, nắm chặt tình hình địa bàn, ngăn chặn kịp thời những tệ nạn xã hội. Đảm bảo hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh; xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc trong toàn dân, giữ vững an ninh chính trị tại địa bàn.

- Khối lượng thực hiện:

+ Thực hiện tốt công tác tuyển chọn và gọi công nhân nhập ngũ năm 2020, kết quả giao quân về trên 11/11 quân, đạt 100% chỉ tiêu trên giao.

+ Hằng năm, Đảng ủy có ra Nghị quyết, Ủy ban nhân dân xã xây dựng kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh, trật tự; tổ chức xây dựng có hiệu quả các mô hình bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; không có khiếu kiện đông người kéo dài, khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội; trên địa bàn không xảy ra trọng án, các vụ án hình sự về tội phạm, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm so với năm trước; xã được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự; lực lượng Công an xã được xây dựng, củng cố trong sạch, vững mạnh.

c. Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh: Đạt

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đã làm được

- Được Huyện ủy, UBND huyện quan tâm trong công tác củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý điều hành Chương trình từ huyện đến xã, ấp; Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên được BCD huyện, xã ban hành kịp thời tạo thuận lợi cho BCD, BQL các xã tổ chức triển khai thực hiện. Công tác tuyên truyền được tổ chức chặt chẽ và triển khai kịp thời trong nội bộ Đảng, Chính quyền và quần chúng nhân dân.

- Chương trình được người dân tích cực hưởng ứng thông qua các hoạt động: Hiến đất, xây dựng cơ sở hạ tầng, sửa chữa đường giao thông nông thôn, cho mượn đất xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng ấp, đường ngõ xóm, sửa chữa cầu và tham gia thực hiện việc chỉnh trang bộ mặt nông thôn như công rào, đường vào nhà, cột cờ, hoa kiểng, tập trung nâng chất các tuyến đường kiểu mẫu của từng ấp...

- Kết cấu hạ tầng – kỹ thuật như hệ thống điện, đường, trường, trạm, nhà sinh hoạt cộng đồng được củng cố và tăng cường đáp ứng nhu cầu sản xuất, phục vụ sinh hoạt của nhân dân. Diện mạo nông thôn được đổi mới, số lượng các gia đình văn hóa tăng lên.

- Sản xuất nông nghiệp phát triển theo cơ chế hàng hóa, thu nhập người nhân từng bước được nâng lên, đời sống nhân dân ngày càng ổn định và nâng cao. Kinh tế tập thể, các hình thức tổ chức sản xuất (trang trại, hợp tác xã, tổ hợp tác, câu lạc bộ...) được củng cố và phát triển.

- Hệ thống chính trị, bộ máy chính quyền, mặt trận đoàn thể không ngừng được củng cố, tăng cường vững mạnh, an ninh chính trị trật tự xã hội luôn được đảm bảo tạo tiền đề cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Tồn tại hạn chế và nguyên nhân

- Một số thành viên ban chỉ đạo của xã, ban nhân dân áp chưa quan tâm nhiều trong công tác chỉ đạo, điều hành, mang tâm lý trông chờ sự hướng dẫn của cấp trên dẫn đến bị động, thiếu giải pháp cụ thể tuyên truyền cũng như trong huy động nguồn lực xã hội xây dựng nông thôn mới, chậm trễ tiến độ công việc so với yêu cầu.

- Một bộ phận nhân dân trên địa bàn còn mang tâm lý trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước như các chương trình, dự án đầu tư khác nên việc huy động nội lực của địa phương và nhân dân để xây dựng nông thôn mới còn rất hạn chế, đặc biệt là việc đóng góp tiền để tham gia xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu; người dân chưa nhận thức rõ vai trò chủ thể của mình trong xây dựng nông thôn mới.

- Đời sống người dân nông thôn còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo và nguy cơ tái nghèo vẫn còn, nhất là trong đồng bào dân tộc, trình độ lao động qua đào tạo có việc làm vẫn còn thấp, năng suất, chất lượng lao động chưa đáp ứng yêu cầu.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ của cấp trên cũng như vốn ngân sách xã còn khó khăn chưa đáp ứng nhu cầu của địa phương để triển khai các kế hoạch đã đề ra .

- Qua rà soát đánh giá hiện trạng các tiêu chí tuy có đạt theo chuẩn quy định nhưng chưa thật sự bền vững.

3. Bài học kinh nghiệm

- Cần có sự tập trung chỉ đạo cụ thể, liên tục, đồng bộ và huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị. Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia xã phải xây dựng kế hoạch cụ thể, có quy chế làm việc và có sự phân công nhiệm vụ cho từng thành viên phụ trách cụ thể từng tiêu chí, kiểm tra giám sát việc thực hiện và có sơ tổng kết;

- Thường xuyên tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, Đảng viên và nhân dân về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc xây dựng nông thôn mới, nội dung tuyên truyền cụ thể, phải thật sự đi vào chiều sâu, phát huy được vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư, nhất là trong việc huy động nguồn lực từ dân;

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền sâu rộng để nâng cao nhận thức trong cộng đồng dân cư về nội dung, phương pháp, cách làm, cơ chế chính sách của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới theo tinh thần người dân phải là chủ thể, huy động nội lực là chính. Thực hiện tốt quy chế dân chủ **“Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân đóng góp, dân thụ hưởng”**;

- Chú trọng công tác xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ nòng cốt ở các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ cơ sở trực tiếp tham gia xây dựng nông thôn mới.

- Đa dạng hoá việc huy động nguồn lực trong xây dựng nông thôn mới, theo phương châm “Huy động nguồn lực từ cộng đồng là quyết định, sự tham gia của doanh nghiệp và xã hội là quan trọng, sự hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là cần thiết”. Việc sử dụng nguồn lực để đầu tư các công trình công cộng phải được người dân bàn bạc dân chủ và thống nhất, có giám sát cộng đồng, đảm bảo công khai, minh bạch.

- Chọn áp điểm để tập trung chỉ đạo toàn diện, sau đó rút kinh nghiệm và nhân rộng ra các áp còn lại;

VI. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI

1. Quan điểm

- Tiếp tục thực hiện đảm bảo đạt chuẩn yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, không ngừng nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

- Xác định rõ nội dung công việc, giải pháp, lộ trình thực hiện và phân công trách nhiệm cụ thể cho các ngành, tổ chức đoàn thể, cán bộ, công chức có liên quan trong thực hiện kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới.

2. Mục tiêu

- Phân đấu giữ vững và nâng chất 19/19 tiêu chí nông thôn mới đã đạt.

- Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và

tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Phần đầu đến cuối năm 2025 hoàn thành xã nông thôn mới nâng cao.

3. Nội dung nâng chất các tiêu chí nông thôn mới

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn hệ thống chính trị nhằm không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới; tiếp tục xây dựng chương trình, kế hoạch hết sức cụ thể, sát với tình hình thực tế.

- Thường xuyên củng cố kiện toàn Ban chỉ đạo, ban quản lý, ban phát triển ấp, có kế hoạch kiểm tra, giám sát, sơ tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm, gắn với công tác thi đua khen thưởng, tuyên dương và nhân rộng các gương điển hình cá nhân, tập thể tiêu biểu có nhiều đóng góp trong quá trình thực hiện Chương trình.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông qua các hội nghị, cuộc họp đến cán bộ đảng viên và nhân dân về ý nghĩa, mục tiêu, yêu cầu của chương trình, qua đó nâng cao tính chủ động, tích cực tham gia thực hiện các tiêu chí thuộc trách nhiệm của địa phương và người dân khi tham gia xây dựng Chương trình.

- Tranh thủ sự hỗ trợ vốn của cấp trên và huy động nguồn lực xã hội kêu gọi đầu tư kết cấu hạ tầng nông thôn nhất là các công trình theo Chương trình đặt ra; vận động người dân hiến đất, hoa màu trong quá trình xây dựng hạ tầng.

- Tiếp tục đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, xây dựng hình thành tổ hợp tác theo kế hoạch và nâng cao chất lượng hoạt động, hướng dẫn, hỗ trợ hợp tác xã đủ năng lực trình độ quản lý, hoạt động đúng theo luật hợp tác xã năm 2012.

- Tiếp tục duy trì và phát triển mô hình hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; phát triển trồng màu dưới chân ruộng gắn với bao tiêu, vận động nông dân áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, tăng sản lượng và giá trị trên một đơn vị diện tích; đẩy mạnh công tác tập huấn, đào tạo nông dân ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất; triển khai các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất gắn với công tác giảm nghèo.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, khuyến học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn; nâng cao chất lượng dạy và học ở các trường học; thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn. Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất văn hóa thể thao quần chúng; xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa; đẩy mạnh tuyên truyền vận động người dân chỉnh trang vườn tược, ao mương; nhà cửa gọn gàng, xanh – sạch – đẹp tạo nét mỹ quan, nâng cao chất lượng cuộc sống trong mỗi gia đình. Triển khai thực hiện tốt các chính sách về an sinh xã hội như chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, ưu đãi về học nghề cho lao động nông thôn.

- Tiếp tục củng cố nâng cao chất lượng hoạt động hệ thống chính trị: sắp xếp cán bộ đạt chuẩn thông qua việc bố trí, đề nghị, khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ tham gia nâng cao trình độ, năng lực. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác giữ gìn an ninh trật tự an toàn xã hội ở nông thôn; thường xuyên nắm chặt tình hình, chủ động giải quyết kịp thời đơn thư, khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền; không để khiếu kiện đông người, vượt cấp.

Trên đây là báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới năm 2020 của xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BCD NTM xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Hoàng Lợi



**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI
xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng**

(Kèm theo Báo cáo số: 24/BC-UBND ngày 04 tháng 0 năm 2021 của UBND xã Mỹ Thuận)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
I. QUY HOẠCH						
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và công bố công khai đúng thời hạn		Có	Có	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch		Có	Có	Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI						
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	km	100%	100% (14.950/14.950km)	Đạt
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	km	≥50%	71,15% (11.837/16.6372km)	Đạt
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	km	Không lầy lội và cứng hóa ≥ 30%	Không lầy lội và cứng hóa 94,35% (15.030/15.930 km)	Đạt
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	km	≥50%	65,42% (2.860/2853km)	Đạt
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	%	≥80%	100% (2.853,10/2.8532,10ha)	Đạt
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ		Đạt	Đạt	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn		Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	%	≥98%	98,04% (2.562/2.612 hộ)	Đạt
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	%	≥70%	100% (3/3 trường)	Đạt
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã		Có	Có	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em theo quy định		Có	Có	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	%	100%	100% (10/10 ấp)	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa		Có	Không quy hoạch	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính		Có	Có	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet		Có	Có	Đạt
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn		Có	Có	Đạt
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành		Có	Có	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Nhà	Không	Không	Đạt
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	%	≥70%	74,1% (1.730/2.335 căn)	Đạt
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT						
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	≥50	51,916	Đạt
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	%	≤4%	3,98% (104/2.612 hộ)	Đạt
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	%	≥90%	92,16 (376/408 lao động)	Đạt
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012		Có	Có 1 HTX	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững		Có	Có bao tiêu lúa	Đạt
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG						
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở		Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp nghề)	%	≥80%	94,21% (132/141 học sinh)	Đạt
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm được đào tạo	%	≥25%	25,98% (1.815/6.986 người)	Đạt
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	≥85%	94,97%	Đạt
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế		Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	%	≤20,5%	19,59% (192/980 trẻ)	Đạt
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định	%	≥70%	100% (10/10 ấp)	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	%	≥95% (≥65% nước sạch)	Nước hợp VS 97,62% (66,54% nước sạch)	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	%	100%	100% (53/53 cơ sở)	Đạt
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn		Đạt	Đạt	Đạt
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch		Đạt	Đạt	Đạt
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	%	Đạt	Đạt	Đạt
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	%	≥70%	90% (2,350/2,612 hộ)	Đạt
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	%	≥70%	72% (65/90 hộ)	Đạt
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	%	100%	100% (39/39 hộ)	Đạt
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn		Đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định		Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"		Đạt	Đạt	Đạt
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên		100%	100%	Đạt
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định		Đạt	Đạt	Đạt
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội		Đạt	Đạt	Đạt
		19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng		Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
19	Quốc phòng và An ninh	19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước		Đạt	Đạt	Đạt